

Số: 43/2007/QĐ-UBND

Cần Thơ, ngày 18 tháng 12 năm 2007

**QUYẾT ĐỊNH**

**V/v quy định mức xây dựng và phân bổ dự toán kinh phí  
đối với các đề tài, dự án khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước**

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 44/2007/TTLT-BTC-BKHCN ngày 07 tháng 5 năm 2007 của liên bộ Bộ Tài chính - Bộ Khoa học và Công nghệ về việc hướng dẫn định mức xây dựng và phân bổ dự toán kinh phí đối với các đề tài, dự án khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ, Giám đốc Sở Tài chính,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo quyết định này Quy định mức xây dựng và phân bổ dự toán kinh phí đối với các đề tài, dự án khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước (cấp thành phố và cấp cơ sở).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày và đăng báo Cần Thơ chậm nhất 5 ngày, kể từ ngày ký; đồng thời, thay thế Quyết định số 58/2005/QĐ-UBND ngày 13 tháng 9 năm 2005 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc ban hành Quy định mức chi tiêu đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quận, huyện.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, giám đốc sở, thủ trưởng cơ quan ban, ngành thành phố và Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Võ Thanh Tông**

**QUY ĐỊNH**

**Định mức xây dựng và phân bổ dự toán kinh phí đối với các đề tài, dự án khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước.**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-UBND ngày 18 tháng 12 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ)*

**Phần I**

**ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG VÀ PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH**

Quy định này áp dụng đối với các đề tài nghiên cứu khoa học, dự án sản xuất thử nghiệm, dự án khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước (dưới đây viết tắt là đề tài, dự án khoa học và công nghệ) bao gồm đề tài, dự án khoa học và công nghệ cấp thành phố, cấp cơ sở (là đề tài, dự án của sở, ban, ngành, cấp quận, huyện, cơ quan Đảng, các Hội đoàn thể chủ trì thực hiện); các hoạt động phục vụ công tác quản lý các đề tài, dự án khoa học và công nghệ của cơ quan có thẩm quyền.

Các định mức chi, lập dự toán khác của đề tài, dự án khoa học và công nghệ không quy định cụ thể tại Quy định này được thực hiện theo các quy định hiện hành của nhà nước.

Những nội dung khác có liên quan không quy định tại Quy định này được áp dụng theo các nội dung quy định tại Thông tư liên bộ số 44/2007/TTLT-BTC-BKHCN ngày 07 tháng 5 năm 2007 của Bộ Tài chính và Bộ Khoa học và Công nghệ.

**Phần II**

**NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

**1. Nội dung chi các hoạt động phục vụ công tác quản lý của cơ quan có thẩm quyền đối với đề tài, dự án khoa học và công nghệ:**

Đơn vị: 1.000 đồng

Số TT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Mức chi theo Thông tư 44	Đề tài/dự án cấp thành phố	Đề tài/dự án cấp cơ sở
1	<b>Chi về tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ</b>				
a	Xây dựng đề tài được duyệt của đề tài, dự án để công bố.	Đề tài/ dự án	1.500	1.350	1.050
b	Họp Hội đồng sơ tuyển đề tài/dự án	Đợt			
	- Chủ tịch Hội đồng			250	200
	- Thành viên, thư ký khoa học			150	120
	- Thư ký hành chính			100	80

c	Họp Hội đồng tư vấn xác định đề tài, dự án	Đợt			
	- Chủ tịch Hội đồng		300	270	210
	- Thành viên, thư ký khoa học		200	180	140
	- Thư ký hành chính		150	140	100
	- Đại biểu mời tham dự		70	60	50
<b>2</b>	<b>Chi về tư vấn tuyển chọn, xét chọn tổ chức, cá nhân chủ trì</b>				
a	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện				
	- Nhiệm vụ có từ 1 đến 03 hồ sơ đăng ký	01 hồ sơ	450	400	320
	- Nhiệm vụ có từ 4 đến 6 hồ sơ đăng ký	01 hồ sơ	400	360	280
	- Nhiệm vụ có trên 7 hồ sơ đăng ký	01 hồ sơ	360	320	250
b	Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng				
	- Nhiệm vụ có từ 1 đến 03 hồ sơ đăng ký	01 hồ sơ	300	270	210
	- Nhiệm vụ có từ 4 đến 06 hồ sơ đăng ký	01 hồ sơ	270	240	190
	- Nhiệm vụ có trên 07 hồ sơ đăng ký	01 hồ sơ	250	230	180
c	Chi họp Hội đồng tư vấn tuyển chọn, xét chọn đề tài, dự án	Đề tài/ dự án			
	- Chủ tịch Hội đồng		300	270	210
	- Thành viên, thư ký khoa học		200	180	140
	- Thư ký hành chính		150	140	100
	- Đại biểu mời tham dự		70	60	50
<b>3</b>	<b>Chi thẩm định nội dung, tài chính của đề tài, dự án</b>				

	- Tổ trưởng tổ thẩm định	Đề tài/ dự án	250	230	180
	- Thành viên tham gia thẩm định	Đề tài/ dự án	200	180	140
<b>4</b>	<b>Chi đoàn kiểm tra</b>	Đề tài/ dự án			
	- Trưởng đoàn			150	120
	- Thành viên			100	80
	- Đại biểu mời tham dự			50	40
<b>5</b>	<b>Chi tư vấn đánh giá giữa kỳ hoặc nghiệm thu giai đoạn ở cấp quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ</b>				
a	Nhận xét đánh giá				
	- Nhận xét đánh giá của phản biện	Đề tài/ dự án		300	200
	- Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng	Đề tài/ dự án		200	150
b	Chuyên gia phân tích, đánh giá, khảo nghiệm kết quả, sản phẩm của nhiệm vụ trước khi đánh giá nghiệm thu giai đoạn, đánh giá giữa kỳ (số lượng chuyên gia do cấp có thẩm quyền quyết định, nhưng không quá 05 người/đề tài hoặc dự án).	Báo cáo		450	300
c	Họp tổ chuyên gia (nếu có)	Buổi họp			
	- Tổ trưởng			150	120
	- Thành viên			100	80
	- Đại biểu mời tham dự			50	40
d	Họp Hội đồng nghiệm thu giai đoạn, đánh giá giữa kỳ.	Buổi họp			
	- Chủ tịch Hội đồng			150	120
	- Thành viên, thư ký khoa học			100	80
	- Thư ký hành chính			50	40

	- Đại biểu mời tham dự			70	50
<b>6</b>	<b>Chi tư vấn đánh giá nghiệm thu chính thức ở cấp quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ</b>				
a	Nhận xét đánh giá				
	- Nhận xét đánh giá của phản biện	Đề tài/ dự án	1.000	900	700
	- Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng	Đề tài/ dự án	600	540	420
b	Chuyên gia phân tích, đánh giá, khảo nghiệm kết quả, sản phẩm của nhiệm vụ trước khi đánh giá nghiệm thu ở cấp quản lý (số lượng chuyên gia cấp có thẩm quyền quyết định, nhưng không quá 05 chuyên gia/đề tài hoặc dự án).	Báo cáo	1.000	900	700
c	Họp Tổ chuyên gia (nếu có)	Đề tài/ dự án			
	- Tổ trưởng		250	230	180
	- Thành viên		200	180	140
	- Đại biểu mời tham dự		70	60	50
d	Họp Hội đồng nghiệm thu chính thức	Đề tài/ dự án			
	- Chủ tịch Hội đồng		400	360	280
	- Thành viên, thư ký khoa học		300	270	210
	- Thư ký hành chính		150	140	100
	- Đại biểu mời tham dự		70	60	50

**2. Đối với các hoạt động thực hiện đề tài, dự án khoa học và công nghệ:**

Đơn vị: 1000 đồng

Số TT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Mức chi theo Thông tư 44	Đề tài/dự án cấp Thành phố	Đề tài/dự án cấp Cơ sở
1	Xây dựng thuyết minh chi tiết được duyệt	Đề tài/ dự án	2.000	1.800	1.400
2	Chuyên đề nghiên cứu xây dựng quy trình khoa học công nghệ và khoa học tự nhiên	Chuyên đề			

	(chuyên đề xây dựng theo sản phẩm của đề tài, dự án)				
	- Chuyên đề loại 1		10.000	9.000	7.000
	- Chuyên đề loại 2		30.000	27.000	21.000
<b>3</b>	<b>Chuyên đề nghiên cứu trong lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn</b>	Chuyên đề			
	- Chuyên đề loại 1		8.000	7.200	5.600
	- Chuyên đề loại 2		12.000	11.000	8.400
<b>4</b>	<b>Báo cáo tổng thuật tài liệu của đề tài, dự án</b>		3.000	2.700	2.100
<b>5</b>	<b>Lập mẫu phiếu điều tra:</b> - Trong nghiên cứu khoa học công nghệ - Trong nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn: + Đến 30 chỉ tiêu + Trên 30 chỉ tiêu	Phiếu mẫu được duyệt	500 500 1.000	450 500 900	350 350 700
<b>6</b>	<b>Cung cấp thông tin:</b> - Trong nghiên cứu khoa học công nghệ - Trong nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn: + Đến 30 chỉ tiêu + Trên 30 chỉ tiêu	Phiếu	50 50 70	45 45 63	35 35 49
<b>7</b>	<b>Báo cáo xử lý, phân tích số liệu điều tra</b>	Đề tài/ dự án	4.000	3.600	2.800
<b>8</b>	<b>Báo cáo khoa học tổng kết đề tài, dự án (bao gồm báo cáo chính và báo cáo tóm tắt)</b>	Đề tài/ dự án	12.000	11.000	8.400
<b>9</b>	<b>Tư vấn đánh giá nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở (nghiệm thu nội bộ)</b>				
a	Nhận xét đánh giá				
	- Nhận xét đánh giá của phản biện	Đề tài/ dự án	800	700	560
	- Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng	Đề tài/ dự án	500	450	350
b	Chuyên gia phân tích, đánh giá, khảo nghiệm kết quả, sản phẩm của nhiệm vụ trước khi đánh giá nghiệm thu cấp cơ sở/nghiệm thu nội bộ (số lượng chuyên gia do cấp có thẩm	Báo cáo	800	720	560

	quyền quyết định, nhưng không quá 05 chuyên gia/đề tài, dự án).				
c	Họp tổ chuyên gia (nếu có)	Buổi họp			
	- Tổ trưởng		200	180	140
	- Thành viên		150	140	100
	- Đại biểu được mời tham dự		70	60	50
d	Họp Hội đồng nghiệm thu	Buổi họp			
	- Chủ tịch Hội đồng		200	180	140
	- Thành viên, thư ký khoa học		150	140	100
<b>BUƯỚC I</b>	- Thư ký hành chính		100	90	70
	- Đại biểu mời tham dự		70	60	50
<b>10</b>	<b>Hội thảo khoa học</b>	Buổi hội thảo			
	- Người chủ trì		200	180	140
	- Thư ký hội thảo		100	90	70
	- Báo cáo tham luận theo đơn đặt hàng		500	450	350
	- Đại biểu mời tham dự		70	60	50
<b>11</b>	<b>Thù lao trách nhiệm điều hành chung của chủ nhiệm đề tài, dự án</b>	Tháng	1.000	900	700
<b>12</b>	<b>Quản lý chung nhiệm vụ khoa học và công nghệ (trong đó có chi thù lao trách nhiệm cho thư ký và kế toán của đề tài, dự án theo mức do chủ nhiệm đề tài quyết định).</b>	Năm	15.000	14.000	11.000

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Võ Thanh Tông**